

**UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 7**

Tiết KHDH: 139,140 – Năm học 2022-2023

Ngày kiểm tra: 09/5/2023

Thời gian làm bài: 90 phút

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình học kì II, môn Ngữ văn lớp 7 theo 3 phân môn Văn bản, Thực hành tiếng Việt, Viết.
- Đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

* Văn bản:

- Thể loại truyện, thơ, văn bản nghị luận xã hội, tùy bút và tản văn.

* Tiếng Việt:

- Các phép liên kết, dấu chấm lửng, từ Hán Việt, thành ngữ
- Biện pháp tu từ, nghĩa của từ.

* Viết:

- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: năng lực tư duy, năng lực cảm thụ, năng lực giải quyết vấn đề,...
- Năng lực chuyên biệt: năng lực xác định từ loại, thành ngữ, các phép liên kết; giải nghĩa từ, giải nghĩa thành ngữ; xác định ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng.... trong văn bản nghị luận xã hội; các biện pháp tu từ: nói quá, nói giảm nói tránh, ẩn dụ, so sánh, nhân hóa....

3. Phẩm chất:

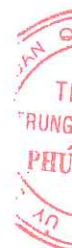
- Có thái độ nghiêm túc, trung thực, tự giác khi làm bài kiểm tra.

II. MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ

1. Ma trận:

II. KHUNG MA TRẬN:

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Tùy bút và tản văn	4	1	4	1				1	6,0
		Nghị luận xã hội									
Số câu			4	1	4	1				0.5	
Số điểm			1	1	1	1.5				0,5	
Tỉ lệ %			10%	10%	10%	15%				5%	
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống		1*		1*		1*		1*	4,0
Số câu				1*		1*		1*		1*	
Số điểm				1		0,5		3		0,5	
Tỉ lệ %				10%		5%		30%		5%	
Tổng			10%	20%	10%	20%	0	30%	0	10%	100%
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				100%



III. BẢNG ĐẶC TẢ:

TT	Kỹ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thô ng hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Tùy bút và tản văn	Nhận biết: - Nhận biết được ngôi kể, đề tài, chủ đề trong văn bản. - Nhận biết được từ Hán Việt, các biện pháp tu từ trong văn bản. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, tình cảm cảm xúc trong văn bản. - Xác định được số từ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng. Vận dụng cao: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học cho bản thân.	4TN 1TL	4TN 1TL		1TL
		Văn bản nghị luận	Nhận biết: + Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận, phương thức biểu đạt chính + Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội + Xác định được phép liên kết, từ Hán Việt, tên biện pháp nghệ thuật. Thông hiểu: + Xác định được mục đích, nội				

			dung chính của văn bản + Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến với lí lẽ và bằng chứng + Giải thích được nghĩa của từ, nghĩa của thành ngữ. + Xác định được nội dung, ý nghĩa của câu văn. - Vận dụng: + Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản + Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. - Vận dụng cao:				
2	Viết	Viết bài văn nghị luận xã hội	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết bài văn biểu cảm, bài văn nghị luận xã hội về con người hoặc sự việc	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				4 TN 1 TL	4 TN 1 TL	1 TL	1 TL*
Tỷ lệ %				30%	30%	40%	100%
Tỉ lệ chung (%)				60		40	

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“*Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”. Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình. Có thể nói, thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.*

Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời. Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.”.

(Theo Trần Thị Cẩm Quyên, in trong Văn học và tuổi trẻ, viên nghiên cứu sách và học liệu giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 11 -2021)

A. Trắc nghiệm: Lựa chọn đáp án đúng nhất và ghi lại chữ cái đứng đầu đáp án đúng nhất vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Biểu cảm

Câu 2. Theo tác giả, tại sao: “*Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại?*”

- A. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình.
B. Bởi thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.
C. Bởi thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.
D. Bởi cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công

Câu 3. Theo em, đâu là câu văn mang luận điểm trong đoạn văn thứ 2?

- A. Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng.

B. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công.

C. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

Câu 4. Từ nào là từ Hán Việt trong các từ sau?

A. Dễ dàng

C. Con đường

B. Kiên trì

D. Đáng sợ

Câu 5. Từ “thành công” trong đoạn trích trên được hiểu như thế nào?

A. Những điều tốt đẹp đang chờ phía trước

B. Những điều mình mong muốn đạt được

C. Những điều có ích cho cuộc sống

D. Đạt được kết quả mục đích như dự định

Câu 6. Hai câu văn “Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc” sử dụng phép liên kết nào?

A. Phép thế

B. Phép lặp

C. Phép nối

D. Phép liên tưởng

Câu 7. Câu “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố” có nghĩa là gì?

A. Khẳng định ý nghĩa của những giông tố trong cuộc đời, khuyên mọi người phải mạnh mẽ, dũng cảm đương đầu, giải quyết mọi khó khăn.

B. Khẳng định cuộc đời của ai cũng phải trải qua khó khăn.

C. Khuyên mọi người cần biết chấp nhận thất bại, gian khó trong cuộc đời.

D. Khuyên mọi người không được cúi đầu, cam chịu.

Câu 8. Đoạn trích trên gọi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào?

A. Đoàn kết là sức mạnh

C. Thất bại là thầy của chúng ta

B. Thất bại là mẹ thành công

D. Đừng sợ thất bại

B. Tự luận

Câu 9. Xác định và nêu tác dụng của một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu: “Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công”.

Câu 10. Từ đoạn trích trên, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của thái độ sống tích cực khi đứng trước những khó khăn và thất bại (viết đoạn văn từ 5 đến 6 câu).

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

----- Hết -----

Đề 702

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Cánh điều tuổi thơ

Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh điều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả điều thi. Cánh điều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm. Ban đêm, trên bãi thả điều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngựa cỏ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi điều ơi! Bay đi!”. Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

(Trích: Cánh điều tuổi thơ - Tạ Duy Anh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

A. Trắc nghiệm: Lựa chọn đáp án đúng nhất và ghi lại chữ cái đứng đầu đáp án đúng nhất vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Đoạn trích trên thuộc thể loại văn bản nào ?

- A. Tùy bút B. Hồi kí C. Truyện D. Tản văn

Câu 2. Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt chính là?

- A. Tự sự B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Thuyết minh

Câu 3. Tuổi thơ của tác giả gắn với hình ảnh nào?

- A. Dòng sông B. Cánh buồm C. Cánh điều D. Cánh cò

Câu 4. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu: “Cánh điều mềm mại như cánh bướm.”?

- A. Nói giảm nói tránh C. Nói quá
B. Nhân hóa D. So sánh

Câu 5. Từ “mục đồng” trong đoạn trích trên được hiểu như thế nào?

- A. Trẻ chăn trâu, chăn bò C. Trẻ đi kéo cá
B. Trẻ thả điều D. Trẻ đi đá bóng

Câu 6. Từ ngữ nào trong các từ dưới đây thích hợp điền vào chỗ chấm: “Thông qua “Cánh điều tuổi thơ”, tác giả Tạ Duy Anh muốn nói đến sống của con người như những cánh điều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời. ”?

- A. Nghị lực B. Khát vọng C. Niềm vui D. Ý chí

Câu 7. Câu “Tôi đã ngựa cỏ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên xanh...” cho em cảm nhận điều gì về tâm hồn trẻ em?

- A. Tâm hồn yếu đuối, dễ ảo tưởng C. Tâm hồn yếu đuối, giàu khát vọng

B. Tâm hồn ngây thơ, non nớt

D. Tâm hồn trong sáng, mộng mơ

Câu 8. Nhan đề “*Cánh điều tuổi thơ*” nêu lên nội dung gì?

A. Vẻ đẹp tâm hồn ngây thơ, ảo tưởng

C. Hình ảnh xuyên suốt đoạn trích

B. Nêu lên ước mơ tuổi thơ của con người

D. Cần giữ gìn trò chơi dân gian

B. Tự luận

Câu 9. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu:

“*Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ.*”

Câu 10. Từ đoạn trích trên, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa ước mơ đối với mỗi người trong cuộc sống (viết đoạn văn từ 5 đến 6 câu).

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

----- Hết -----



Đề 701

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I: ĐỌC HIỂU		6,0
1	C	0,25
2	A	0,25
3	A	0,25
4	B	0,25
5	D	0,25
6	C	0,25
7	A	0,25
8	B	0,25
9	- Xác định: Học sinh xác định đúng 1 biện pháp tu từ và chỉ ra hình ảnh - Tác dụng: + Gợi hình dung cuộc sống có nhiều cung bậc trạng thái khác nhau (hỉ nộ, ái, ố.....) + Gợi cảm nhận thái độ sống tích cực của con người khi đối diện với khó khăn, chông gai, thăng trầm của cuộc sống + Lời văn sinh động, gợi cảm, cùng tài năng quan sát tinh tế, nhạy cảm của tác giả.....	0,5 1,5
10	- Về hình thức: đoạn văn ngắn khoảng từ 5 đến 6 câu - Về nội dung: Nêu được suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của thái độ sống tích cực khi đứng trước những khó khăn và thất bại	0,5 1,5
PHẦN II: VIẾT		4,0
	a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
	b Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống	0,25
	c.Yêu cầu về nội dung: * Nêu vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến về vấn đề trong đời sống * Giải quyết vấn đề: - Giải thích ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận. - Tán thành/ phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng)	3,0

	- Nhận xét những tác động tích cực/ tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng) * <i>Kết thúc vấn đề</i> - Nêu ý nghĩa của vấn đề.	
	d. <i>Chính tả ngữ pháp</i> : đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. <i>Sáng tạo</i> : lời văn, sinh động; bài viết lôi cuốn hấp dẫn.	0,25

Ban giám hiệu

Tổ trưởng

Nhóm trưởng

Người ra đề



Đương Văn Tuynh

Đào Thị Khanh

Nguyễn Thị Tĩnh

Nguyễn Thị Hà



Phần	Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I: ĐỌC HIỂU			6,0
	1	D	0,25
	2	B	0,25
	3	C	0,25
	4	D	0,25
	5	A	0,25
	6	B	0,25
	7	D	0,25
	8	B	0,25
	9	- Xác định: Biện pháp nghệ thuật so sánh “ <i>Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung</i> ” - Tác dụng: + Gợi hình dung vẻ đẹp của bầu trời: mềm mại, mịn màng như thảm nhung + Gợi cảm nhận một không gian bao la, rộng lớn + Gợi cảm nhận tâm hồn trong sáng, nhạy cảm, yêu thiên nhiên của tác giả. + Lời văn sinh động, gợi cảm, cùng tài năng quan sát tinh tế, nhạy cảm của tác giả	0,5 1,5
	10	- Hình thức: viết đoạn văn 5-6 câu - Nội dung: Học sinh nêu được suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa ước mơ đối với mỗi người trong cuộc sống	0,5 1,5
PHẦN II: VIẾT			4,0
		a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
		b Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống	0,25
		c. Yêu cầu về nội dung: * Nêu vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến về vấn đề trong đời sống * Giải quyết vấn đề: - Giải thích ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận. - Tán thành/ phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng) - Nhận xét những tác động tích cực/ tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng) * Kết thúc vấn đề	3,0

	- Nêu ý nghĩa của vấn đề.	
	d. Chính tả ngữ pháp: đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: lời văn, sinh động; bài viết lôi cuốn hấp dẫn.	0,25

Ban giám hiệu

Tổ trưởng

Nhóm trưởng

Người ra đề



Đương Văn Tuynh

Đào Thị Khanh

Nguyễn Thị Tĩnh

Đào Lệ Thanh